

Bản án số: 707/2021/HS-PT

Ngày 23 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

TH4 nh phần Hội Đ1 xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;

Ông Điều Văn Hằng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 616/2021/TLPT-HS ngày 22 tháng 07 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HSST ngày 09 tháng 06 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Xuân S, Sinh ngày 26/02/1995. Nơi cư trú: Thôn La G, xã Cổ Đ, Thị xã Sơn T, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Xuân P và bà Cao Thị T1; có vợ là Hoàng Diệu L S năm 1998, chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân S* : Ông Nguyễn Thanh T2, Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Hồng H và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:* Bà Cao Thị T1 (mẹ bị cáo S); Địa chỉ: Thôn La G, xã Cổ Đ, thị xã Sơn T, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Văn T3, Nguyễn Hoàng H1, Đào Văn Gnhung không kháng cáo, không bị kháng nghị, nên Toà án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Nguyễn Văn T3 trong khi đi làm thuê ở huyện Quan H2, tỉnh Thanh Hóa có quen biết với người đàn ông tên Đ1 ở xã Cun P1, huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình, quá trình quen biết nhau Đ1 đã đưa T3 về nhà Đ1 chơi và đã một lần đưa T3 lên gặp người đàn ông tự giới thiệu tên S1 (S2) ở xã Hang K1, huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình. Sau khi về Hà Nội, T3 đã thuê phòng trọ tại thôn 2, xã Thạch H3, huyện Thạch T3, H4 Nội để ở. Tại đây, T3 có quen biết và ăn ở, S hoạt cùng với Nguyễn Hoàng H1 và Đào Văn G mỗi khi đi đâu có công việc thì thỉnh thoảng T3 gọi xe taxi của Nguyễn Xuân S, nên đã quen biết và đã lấy số điện thoại của S để tiện liên lạc khi cần.

Quá trình quen biết với Đ1, thì T3 biết Đ1 đã từng mua ma túy của người đàn ông tên S1 (S2) để bán cho một số người ở H4 Nội. Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng tháng 6/2020, khi gặp Đ1 tại phòng trọ của T3, T3 đã hỏi Đ1 xin số điện thoại của S1 là người bán ma túy và người mua ma túy để liên lạc giao dịch mua bán ma túy lấy tiền công, việc này chỉ T3 và Đ1 biết. Sau đó T3 đã liên lạc với người muốn mua ma túy theo số điện thoại của Đ1 cho, qua điện thoại T3 biết người này là nam giới và đang có nhu cầu muốn mua ma túy nên T3 đã hỏi anh ta giá mua ma túy Hồng phiến và Ketamine thì được anh ta trả lời mua (nhập) vào một gói ma túy Hồng phiến là 8.000.000đ (tám triệu Đ1), một lạng Ketamine là 60.000.000đ (sáu mươi triệu Đ1), nếu lấy được thì bán cho anh ta 02 lạng ma túy Ketamine và 02 (hai) gói ma túy Hồng phiến khi nào có thì mang đến phía sau bến xe Mỹ Đ2 - H4 Nội rồi gọi điện cho anh ta đến nhận và trả tiền, T3 Đ1 ý. Sau thỏa thuận xong T3 gọi điện cho S1 (S2) hỏi mua hai loại ma túy trên, S1 (S2) nói 02 (hai) gói Hồng phiến giá 10.000.000đ (mười triệu Đ1), 02 (hai) lạng Ketamine giá 80.000.000đ (tám mươi triệu Đ1), T3 biết nếu mua của S1 (S2) về bán cho người mua ở H4 Nội sẽ được lãi 20.000.000đ (hai mươi triệu Đ1) một lạng ma túy Ketamine và 3.000.000đ (ba triệu Đ1) một gói ma túy Hồng phiến nên T3 bảo S1 (S2) bán cho T3, S1 (S2) bảo T3 mang tiền mặt lên đưa cho anh ta trước thì anh ta sẽ mang ma túy ra, T3 Đ1 ý và hẹn khi nào chuẩn bị đủ tiền mua ma túy thì mang lên cho S1 (S2), S1 (S2) Đ1 ý.

Khoảng tháng 8/2020, T3 chuẩn bị được 80.000.000đ (tám mươi triệu Đ1) mua ma túy, nên gọi điện cho S1 (S2) để giao tiền, anh ta bảo T3 đi xe khách đến gần Cây xăng Hồng Nhung ở khu vực xã Pà Cò, huyện Mai C thì gọi điện cho anh ta, T3 Đ1 ý và đón xe khách lên điểm hẹn. Đến nơi T3 đi đến khu vực

không có nH4 dân, vắng người qua lại và gọi điện thông báo cho S1 (S2) biết và ở đó chờ. Khoảng 15 phút sau, S1 (S2) điều khiển xe ô tô từ hướng huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình một mình đi đến (T3 không nhớ biển số và đặc điểm xe) gặp T3, T3 đưa số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu Đ1) cho anh ta và nói đó là tiền mua ma túy Ketamine, còn Hồng phiên thì cho T3 nợ khi nào bán ma túy được có tiền thì T3 sẽ mang lên trả, anh ta Đ1 ý và bảo khi nào có ma túy sẽ gọi cho T3 lên nhận Đ1 thời cầm tiền rồi lên xe của anh ta đi khỏi đó, còn T3 sau đó đón xe khách đi về.

Chiều ngày 14/9/2020, S1 (S2) gọi điện báo T3 đã có ma túy rồi, S1 (S2) hẹn T3 đi lên huyện huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình để nhận, T3 nói chiều tối ngày 15/9/2020 sẽ cho người đi nhận, S1 (S2) cứ gọi vào số điện thoại có các số đuôi 222 của T3 để liên lạc giao ma túy, anh ta Đ1 ý. Sáng ngày 15/9/2020, T3 gọi điện lần lượt cho Nguyễn Hoàng H1, Đào Văn G nói là khoảng 16 giờ cùng ngày đến chỗ ở của T3 để đi huyện Mai C, Hòa Bình nhận đồ (ý nói đi nhận ma túy) cho T3, T3 chỉ nói cho H1 biết mục đích H1 đi Mai C là nhận ma túy nhưng không nói cho G biết (mục đích T3 bảo H1, G nhận ma túy về bán kiếm lời để có tiền cùng với H1, G chi tiêu S hoạt và mua ma túy sử dụng cùng nhau nên không hứa cho H1, G tiền công), H1 và G Đ1 ý. Khi nghe điện thoại của T3 xong H1 gọi điện cho Nguyễn Xuân S là lái xe taxi bảo khoảng 16 giờ chiều cùng ngày đến đón H1 đi huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình có việc (không nói là đi có việc gì), S Đ1 ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày thì G với S và H1 lần lượt đến chỗ ở của T3 ở Thôn 2, xã Thạch H3, huyện Thạch T3. G và H1 đi vào phòng gặp T3 còn S đỗ xe gần đó và ở trên xe để chờ H1, còn H1 đến sau. Khi đến H1 đi vào chỗ ở của T3. Khi gặp G, H1 thì T3 đưa cho G chiếc điện thoại di động NOKIA bên trong có sim số 0836361222 bảo G và H1 cầm điện thoại này đi huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình nhận đồ từ một người tên S1 rồi vận chuyển về H4 Nội cho T3; H1 và G đều hiểu và nhận thức được là đi nhận ma túy nhưng do H1 và G đều ăn ở, S hoạt cùng với T3 muốn có tiền chi tiêu S hoạt và mua ma túy để cùng nhau sử dụng, nên đã Đ1 ý đi nhận ma túy mang về cho T3. G trực tiếp cầm điện thoại trên và đưa 2.000.000đ (hai triệu Đ1) cho H1 để chi tiêu dọc đường (đây là tiền T3 đã đưa cho G ngày 14/9/2020 để mua thức ăn nhưng chưa sử dụng đến).

Khoảng 30 phút sau, H1 và G lên xe ô tô của S bảo S chở đi huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình, S điều khiển xe ô tô (BKS: 30G-056.81) đi theo yêu cầu của H1 và G. Trên đường đi S1 gọi điện vào số điện thoại của T3 đưa, G đưa điện thoại đó lại cho H1 nghe thì S1 bảo H1 đi vào khu vực có Gương cầu lồi đường đi Táo Nà thuộc xã Cun P1, huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình nhận ma túy cho T3, H1 Đ1 ý và nói lại cho G nghe Đ1 thời H1 và G yêu cầu S đi đến địa điểm trên. Đến điểm hẹn, H1 và G dùng điện thoại của T3 (có số sim đuôi 222) gọi điện cho S1 nhưng không liên lạc được nên G và H1 bảo Nguyễn Xuân S điều khiển xe ô tô của S ra khu vực ngã ba Nghệ thuộc xã Vạn M, huyện Mai C, tỉnh

Hòa Bình, đến nơi H1, G, S vào một quán không biết tên ăn cơm để chờ S1 gọi điện nhận ma túy. Đào Văn G gọi điện cho bạn là Lê Văn G - S năm: 1985, trú tại: xóm Thanh Mai, xã Vạn M, huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình ra cùng ăn, khi ăn cơm điện thoại mà T3 đưa cho G bị rơi xuống ao không tìm được nên G lấy điện thoại của mình gọi điện cho Nguyễn Văn T3 bảo T3 gửi lại số điện thoại của S1. T3 gửi số của S1 cho G rồi gọi điện cho S1 bảo S1 gọi điện cho G để liên lạc giao ma túy cho, S1 Đ1 ý, gọi điện xong T3 gửi số điện thoại của G cho S1. Sau đó, S1 đã liên lạc cho G, G đưa điện thoại cho H1 cùng nghe, S1 nói T3 chưa trả đủ tiền nên S1 không giao ma túy. H1 và G nghe S1 nói vậy nên nhắn tin, gọi điện cho T3 hỏi thì nghe T3 nói ma túy T3 bảo hai người đi nhận là ma túy T3 mua của S1, T3 đã trả đủ tiền cứ yên tâm chờ để nhận, T3 sẽ liên lạc bảo S1. Muốn để cho H1, G tin tưởng chờ nhận ma túy cho mình nên T3 đã gửi hình ảnh chuyển tiền cho G xem (nhưng thực chất đó là hình ảnh T3 chụp trước đó về việc chuyển khoản tiền mua xe máy không liên quan đến việc mua bán ma túy). Lúc này G và H1 mới nhận thức số ma túy hai người đi nhận là ma túy của T3 mua về để bán kiếm lời còn bán cho ai thì H1 và G không rõ. Liên lạc với H1 và G xong, T3 gọi cho S1 bảo S1 cứ giao ma túy trước, còn số tiền nợ thì sau khi bán được ma túy thì T3 sẽ mang tiền cho S1, được S1 Đ1 ý.

Khoảng 00 giờ ngày 16/9/2020, khi ăn xong thì S1 gọi điện vào số của Đào Văn G, G đưa điện thoại cho H1 nghe thì S1 bảo ma túy để ở phía sau cột mốc 2H/3 khu vực có Gương cầu lồi đường đi Táo Nà thuộc xã Cun P1, huyện Mai C, H1 nói lại với G. Do trời tối không quen đường nên Đào Văn G nói với Lê Văn G gọi xe taxi để đưa H1 và G đi có việc, Lê Văn G đọc số điện thoại taxi cho Đào Văn G trực tiếp gọi. Khi xe taxi của anh Lương Văn H4- S năm: 1986, trú tại: xóm Khán, xã Vạn M, huyện Mai C, tỉnh Hòa Bình đến thì Lê Văn G rời đi. H1 lên xe của H4 bảo H4 điều khiển xe đi theo yêu cầu của H1 đi vào địa điểm nhận ma túy, còn G thì lên xe của S rồi bảo S điều khiển xe đi theo sau. Đi được một đoạn thì G và H1 đổi xe, G đi lên xe H4 bảo H4 đi theo yêu cầu của G, khi đến cột mốc ghi Táo Nà 1km thì không thấy xe của S đâu cả nên G bảo H4 quay lại còn S chờ H1 đến gần khu vực nhận ma túy nhưng không thấy xe của H4, nên H1 bảo S đỗ xe lại chờ. Một lúc sau thì xe H4 quay ra chỗ xe S, G xuống xe bảo H1 lên xe của H4 cùng đi vào tìm ma túy nên H1 bảo S chờ ở đó rồi cùng G lên xe H4 bảo H4 đi vào hướng Táo Nà, đến điểm nhận ma túy. G xuống xe trước để tìm, H4 chở H1 đi một đoạn tìm chỗ quay đầu xe, khi đến chỗ G vừa xuống xe. G không tìm thấy ma túy nên bảo H1 xuống xe để cùng tìm, H1 bật đèn điện thoại lên đi về phía cột mốc 2H/3 thì phát hiện phía sau cột mốc có một hộp quần bên ngoài bằng nilon màu đen nên đưa cho G xem, G và H1 đều hiểu đó là ma túy, T3 bảo nhận nên không kiểm tra lại, H1 cho vào túi quần H1 đang mặc và cùng G lên xe của H4, quá trình đi xe G, H1 và H4 không trao đổi gì với nhau, H4 không thấy G, H1 cầm gì lên xe. Đi đến chỗ xe S, H1 sợ H4 biết trong người mình có ma túy và báo Công an nên đã

theo G cùng xuống xe và đưa ma túy cho G cầm rồi lên xe H4 đi trước ra sân vận động huyện Mai C chờ. G lên ghế sau xe S và để ma túy cạnh chỗ ngồi rồi bảo S đi theo xe H4, S không nhìn thấy G cầm đồ vật gì lên xe. Khi xe S đến nơi thì H1 trả tiền xe taxi cho H4 rồi lên xe S ngồi ở vị trí ghế phụ phía trước, G ngồi ghế phụ phía sau và bảo S điều khiển xe đi về, còn xe H4 đi đâu thì H1, G, S không rõ.

Trên đường đi đến khu vực đèo Đá trắng, H1 hỏi G về gói ma túy, nên G đưa cho H1 một hộp màu đen chứa ma túy và một hộp bánh chocopie cho H1. Qua ánh sáng đèn điện thoại H1 bắt S nhìn thấy H1 mở hộp quần ngoài bằng nilon màu đen G đưa cho H1 ra bên trong có hai túi nilon chứa tinh thể màu trắng và hai gói nilon chứa các viên nén màu hồng, lúc này trên xe có mùi ma túy tỏa ra trên xe nên G hỏi H1 “Đá và Ngựa à”, H1 nói “là Ke và Ngựa” lúc này S đã biết H1 bảo S chở đi Mai C, Hòa Bình mục đích là để H1 và G nhận ma túy Hồng phiến và Ketamine, còn nhận về để làm gì, cho ai thì S không rõ. Sau đó H1 cất các gói ma túy vào vỏ hộp bánh Chocopie đặt xuống sàn xe chỗ để chân H1 đang ngồi còn nilon màu đen quần bên ngoài H1 đã ném ra khỏi xe, còn S mặc dù biết H1 và G có cất giấu ma túy nhưng vẫn sử dụng xe ô tô của mình chở H1 và G cùng số ma túy đi về. Khi S điều khiển xe ô tô chở H1 và G đến khu vực xã Nhân M1, huyện Tân L2, tỉnh Hòa Bình thì bị phát hiện bắt giữ cùng toàn bộ vật chứng. Nguyễn Văn T3 trong khi ở nH4 để chờ H1 và G mang ma túy về thì bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tại kết luận giám định số: 299/KLGD-CAT-PC09 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình kết luận:

“- Chất dạng các viên nén hình trụ màu hồng và màu xanh trong 02 gói ký hiệu G1, G2 trong hộp niêm phong ghi “Vật chứng nghi là ma túy tạm giữ khi bắt quả tang Đào Văn G, Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Xuân S vận chuyển trái phép chất ma túy ngày 16/9/2020 tại Nhân M1, Tân L2, Hòa Bình” có tổng khối lượng 36,84g (Ba mươi sáu phẩy tám mươi bốn gam), là ma túy, loại Methamphetamine.

- Chất dạng tinh thể màu trắng trong 02 gói ký hiệu G3, G4 trong hộp niêm phong ghi “Vật chứng nghi là ma túy tạm giữ khi bắt quả tang Đào Văn G, Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Xuân S vận chuyển trái phép chất ma túy ngày 16/9/2020 tại Nhân M1, Tân L2, Hòa Bình” có tổng khối lượng 198,64g (Một trăm chín mươi tám phẩy sáu mươi bốn gam), là ma túy, loại Ketamine”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HSST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình đã quyết định:

Căn cứ: *Điểm h, khoản 4, Điều 250; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự*

Xử phạt: Nguyễn Xuân S : 16 (mười sáu) năm 06 tháng tù về tội “Vận

chuyển trái phép chất ma túy”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn T3 20 năm tù, Nguyễn Hoàng H1 15 năm tù, Đào Văn G 18 năm tù đều xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 10/06/2021, bị cáo Nguyễn Xuân S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/06/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Cao Thị T1 kháng cáo đề nghị trả lại xe ô tô cho vợ chồng bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Xuân S đề nghị Hội Đ1 xét xử xem xét lại tội danh để giảm nhẹ mức hình phạt tù cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát cấp phúc thẩm: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm thì đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá khách quan – toàn diện các chứng cứ của vụ án, từ đó kết luận bị cáo Nguyễn Xuân S phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Việc bị cáo Nguyễn Xuân S và Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo S không phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” mà chỉ phạm tội “Không tố giác tội phạm” là không có căn cứ và không đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội Đ1 xét xử giữ nguyên bản bản sơ thẩm cả về tội danh, hình phạt tù đối với bị cáo S và Đ1 thời giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng đối với xe ô tô mà S đã sử dụng vào việc phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân S thì cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo S về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là không có căn cứ pháp luật, theo luật sư thì H4 nh vi phạm tội của bị cáo S chỉ cấu tH4 nh tội “Không tố giác tội phạm”, vì kể từ khi bị cáo S biết các bị cáo khác có H4 nh vi mua bán trái phép chất ma túy cho đến khi bị Công an phát hiện bắt giữ với thời gian rất ngắn, đoạn đường đó lại vắng vẻ và bị cáo lại lo sợ nguy hiểm đến tính mạng, nên bị cáo đã không tố cáo H4 nh vi phạm tội của các đối tượng mua bán ma túy.

Người có quyền lợi liên quan trong vụ án: Bà Cao Thị T1 cho rằng: xe ô tô tịch thu của bị cáo S là xe của vợ chồng bà mua chỉ cho S đứng tên để làm nghề taxi, chứ chưa cho hẳn; do đó, bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên trả lại cho gia đình bà xe ô tô nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội Đ1 xét xử cấp phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: H4 nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, cũng như của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các H4 nh vi, quyết định của Cơ quan tiến H4 nh tố tụng và của người tiến H4 nh tố tụng đã thực hiện đều là hợp lệ, đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Xuân S trong quá trình điều tra vụ án, cũng như căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác ngồi trên xe ô tô cùng bị cáo S đi lên Mai C, Hòa Bình thì đã có đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Việc Nguyễn Xuân S nhận lời chở các đối tượng đi lên Mai C, Hòa Bình trong đêm tối, sau đó chở mọi người đi vào địa điểm hoang vắng để nhận ma túy và khi quay trở về H4 Nội thì trên xe ô tô S đã nghe các đối tượng nói chuyện với nhau về ma túy và S còn biết các đối tượng cất giấu ma túy ở vị trí nào trên xe ô tô nhưng không có ý kiến gì; kể cả khi dừng xe lại dọc đường nhưng cũng không có ý kiến và biện pháp gì thể hiện là S không Đ1 ý về H4 nh vi vận chuyển trái phép chất ma túy của các đối tượng trên xe ô tô. Hội Đ1 xét xử thấy H4 nh vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Xuân S đã phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng pháp luật; Hơn nữa, xét về không gian, thời gian địa điểm như đã phân tích ở trên thì thấy với nhận thức về nghề nghiệp lái xe taxi của bị cáo S để khẳng định bị cáo S biết việc chở các đối tượng đi lên huyện Mai C trong đêm là để vận chuyển ma túy như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết cho bị cáo là đúng pháp luật, bị cáo không bị kết án oan sai tội danh như bào chữa của luật sư cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Hội Đ1 xét xử cấp phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Nguyễn Xuân S về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” là hoàn toàn có căn cứ pháp luật; Đ1 thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét một cách khách quan – toàn diện về tính chất – mức độ H4 nh vi phạm tội của bị cáo, về nhân thân và cả về thái độ khai báo của bị cáo. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật xử phạt bị cáo 16 năm 06 tháng tù là phù hợp, có như vậy thì mới có đủ thời gian để vừa trừng trị - vừa giáo dục đối với bị cáo và mới đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với nội dung kháng cáo của bà Cao Thị T1 (mẹ bị cáo S) về việc bà đề nghị trả lại xe ô tô đứng tên bị cáo Nguyễn Xuân S cho gia đình bà là không có căn cứ, vì giấy tờ xe ô tô đều đứng tên S và từ lâu bị cáo S đã sử dụng xe ô tô để chở khách, lần này bị cáo S đã sử dụng xe ô tô để vận chuyển ma túy như đã nêu trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tịch thu xe của S là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị thì đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do bị cáo S kháng cáo xin giảm nhẹ nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận, nên bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ, nhận định như trên và căn cứ vào các Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo xin chuyển tội danh nhẹ hơn và giảm nhẹ hình phạt tù của bị cáo Nguyễn Xuân S và cũng không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Cao Thị T1 về phần xử lý vật chứng, để giữ nguyên các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2021/HS-ST ngày 09-6-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Áp dụng điểm h, khoản 4, Điều 250; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân S 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp H4 nh hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, giam 16/9/2020.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu để hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 ô tô con TOYOTA (VIOS); BKS: 30G-056.81.

3. Án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân S phải chịu 200.000 Đ án phí Hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Công an tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo và người có quyền lợi liên quan;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỘI XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

